

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

(Kèm theo kế hoạch số 300/KH-MNHY ngày 26/8/2025 của trường MN Hải Yên)

1. Mục tiêu và nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mã hoá mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Tổ chức ăn		
CSND 1	- Trẻ được ăn 2 bữa/ ngày theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cung cấp đủ năng lượng 615 - 726 Kcal/trẻ/ngày tại trường	- Tổ chức hoạt động ăn: ăn chính 1 bữa, ăn phụ 1 bữa; bữa ăn đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng: + Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. + Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày - Thực hiện khẩu phần ăn đã được xây dựng trên phần mềm phù hợp với độ tuổi - Thực đơn theo ngày, theo tuần, theo mùa.
CSND 2	Trẻ được uống đủ nước	- Trẻ uống nước đun sôi để nguội/ nước ấm đảm bảo vệ sinh - Uống đủ nước khoảng 1,6- 2,0 lít/ trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn)
2. Tổ chức ngủ		
CSND 3	- Trẻ được ngủ theo nhu cầu độ tuổi: 1 giấc trưa khoảng 150 phút.	- Tổ chức hoạt động ngủ trưa cho trẻ khoảng 150 phút. - Chuẩn bị phòng ngủ : chăn, giường ngủ cá nhân, gối....
3. Vệ sinh		
CSND 4	- Trẻ được vệ sinh cá nhân hàng ngày sạch sẽ.	- Tổ chức cho trẻ rửa mặt, rửa tay trước/sau khi ăn; trước/sau khi đi vệ sinh; sau khi tham gia các hoạt động tại nhóm lớp; vệ sinh cá nhân trước khi ra về

CSND 5	- Trẻ biết vệ sinh môi trường, giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	- Tổ chức hoạt động vệ sinh lớp, đồ dùng đồ chơi, bảo vệ nguồn nước; xử lý rác thải; - Tham gia vệ sinh lớp, đồ dùng đồ chơi....
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
CSND 6	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	- Khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/ năm.
CSND 7	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi (60 tháng tuổi) + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 - 21,2 Kg. Chiều cao: 94,9 - 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 - 21,5 Kg . Chiều cao: 94,1 - 111,3cm.	- Cân đo: + Đối với trẻ phát triển bình thường: Cân, đo 3 tháng/lần. + Đối với trẻ SDD béo phì: Theo dõi 1 lần/ tháng - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
CSND 8	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, phòng chống suy dinh dưỡng; theo dõi tiêm chủng.	- Xây dựng các biện pháp phòng tránh các bệnh thường gặp, phòng chống suy dinh dưỡng. - Theo dõi sức khỏe trẻ khi đón, trả trẻ và các hoạt động trong ngày. - Thực hiện theo dõi tiêm chủng.
CSND 9	- Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Tổ chức quản lý trẻ trong lớp học, trong các giờ đón/trả trẻ và các hoạt động chơi/học...

2. Mục tiêu và nội dung giáo dục

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
GD 1	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng	- <i>Động tác hô hấp</i> : Hít vào, thở ra. - <i>Động tác phát triển cơ tay và bả</i>

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	dẫn.	<i>vai:</i> + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, dang ngang, + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Hai cánh tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang <i>- Động tác phát triển cơ lưng, bụng:</i> + Đứng cúi người về trước + Đứng nghiêng người sang 2 bên + Đứng quay người sang bên + Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau + Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. <i>- Động tác phát triển cơ chân:</i> + Đứng, khuyu gối + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật lên trước, lùi lại, sang bên + Bật tách - chụm chân tại chỗ
GD 2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trong đường hẹp.	- Đi trong đường hẹp (2.5m x 0.2m) - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
GD 3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót liên tục 2.5m - Đi kiễng gót liên tục 3m.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 4	- Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động khi đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
GD 5	- Trẻ biết kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.
GD 6	- Trẻ kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động chạy liên tục trong đường đích dắc không chệch ra ngoài	- Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.
GD 7	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo khi chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.
GD 8	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi thực hiện vận động tung bắt bóng với cô 3 lần liên mà không làm rơi bóng.	- Tung bắt bóng cùng cô. - Tung bóng lên cao bằng 2 tay. - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay; - Tung bắt bóng với cô (bắt được 3 lần liên không rơi bóng ở khoảng cách 1,5m). - Tung bắt bóng với cô (bắt được 3 lần liên không rơi bóng ở khoảng cách 2,5m)
GD 9	- Trẻ có khả năng phối hợp tay mắt khi thực hiện vận động đập và bắt bóng bằng hai tay.	- Lăn bóng với cô. - Đập, bắt bóng cùng cô. - Đập, bắt bóng bằng 2 tay. - Đập, bắt bóng nảy 2 lần liên tiếp.
GD 10	- Trẻ có khả năng phối hợp tay mắt trong vận động tự đập và bắt bóng 3 lần liên.	- Đập, bắt bóng 3 lần liên tiếp.
GD 11	- Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện vận động	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m)	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (xa 1,5m).
GD 12	- Trẻ có khả năng phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền bắt bóng 2 bên mà không làm rơi bóng.	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.
GD 13	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện vận động bò trong đường hẹp mà không chệch ra ngoài.	- Bò theo hướng thẳng. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m).
GD 14	- Trẻ thực hiện nhanh, mạnh, khéo khi bò qua vật cản.	- Bò chui qua cổng. - Bò theo đường đích đặt.
GD 15	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện vận động trườn	- Trườn về phía trước - Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo hướng đích đặt
GD 16	- Trẻ giữ thăng bằng cơ thể khi bước lên xuống bậc cao	- Bước lên xuống bậc cao 20cm - Bước lên xuống bậc cao 30cm
GD 17	- Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật xa tối thiểu 25cm.	- Bật tại chỗ. - Bật liên tục về phía trước. - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 20 - 25cm.
GD 18	- Trẻ thực hiện vận động xoay cổ tay, gập, đan ngón tay.	- Luyện tay: Vỗ tay, vẫy tay, co duỗi tay, đan các ngón tay vào nhau, xoa hai lòng bàn tay vào nhau, xoay tròn cổ tay, cuộn các ngón tay... - Đan, tết. - Tập giờ sách. - Đóng, mở nắp chai, lọ, hộp, - Chơi với cát, chơi với nước, chơi với đất nặn. - Cách cầm thìa, bát, cầm cốc nước, xúc ăn.. - Các trò chơi dân gian với tay: chi chi chành chành, Đôi chim, oản tù

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		tì...
GD 19	- Trẻ có khả năng xếp chồng 8 - 10 khối.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xếp chồng tháp, ghép hình, xếp hình (khoảng 8-10 khối).
GD 20	- Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay ngón tay để tự cài, cởi cúc, cuộn dây.	- Cài cởi cúc, khuy, nút, kéo khóa, - Cởi mặc áo, quần có sự hỗ trợ của người lớn. - Cuộn dây, luồn dây qua lỗ, tết dây 2 sợi.
GD 21	- Trẻ có khả năng vẽ hình tròn theo mẫu.	- Vẽ tự do bằng bàn tay ngón tay. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Vẽ đường tròn theo mẫu.
GD 22	- Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng (10 cm).	- Tập sử dụng kéo. - Cắt theo đường thẳng.
GD 23	- Trẻ có khả năng xé, vò giấy theo yêu cầu của cô.	- Xé theo hình vẽ sẵn - Xé giấy: xé vụn, xé theo hình châm kim. - Vò giấy, gấp giấy theo đường vạch sẵn, gấp đôi, gấp chéo, gấp lộn...
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
GD 24	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm về thực vật, động vật khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (rau, củ, quả, thịt, trứng, cá ...).	- Nhận biết các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật. - Nhận biết các thực phẩm có nguồn gốc từ động vật.
GD 25	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày	- Tên các món ăn quen thuộc được chế biến từ rau, củ, quả - Tên các món ăn quen thuộc được chế biến từ động vật
GD 26	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất và ăn nhiều loại thức ăn

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		khác nhau - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
GD 27	- Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt nhờ có sự giúp đỡ của người lớn	- Làm quen với cách đánh răng, rửa mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đội mũ, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ. - Nhận biết trang phục theo thời tiết.
GD 28	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Tập xúc cơm, rót nước. - Cách sử dụng ca, cốc, thìa, bát, bình uống nước...
GD 29	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Mời cô, mời bạn trước khi ăn. - Uống nước đã đun sôi. - Ăn thức ăn đã được nấu chín, - Không nói chuyện trong khi ăn...
GD 30	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, - Nhận biết trang phục theo mùa: đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học, - Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm: nói với người lớn khi bị đau, chảy máu... - Lợi ích của việc giữ gìn thân thể,

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
GD 31	- Trẻ biết gọi người giúp đỡ trong một số trường hợp khẩn cấp	- Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Cháy, ngã chảy máu...
GD 32	- Trẻ có khả năng nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, quạt điện, dao..
GD 33	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn : Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi, ...
GD 34	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm: + Cười đùa trong khi ăn dễ bị sặc + Ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc + Tự ý lấy thuốc uống nguy hiểm đến tính mạng + Leo trèo bàn ghế dễ bị ngã + Nghịch các vật sắc nhọn dễ bị chảy máu + Theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp dễ bị bắt cóc...
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
GD 35	- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ...Để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
GD 36	- Phân loại theo một dấu hiệu nổi bật về một số đồ dùng, đồ chơi trong trường lớp mầm non	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng, phân loại theo một dấu hiệu nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi trong trường lớp mầm non
GD 37	- Phân loại theo một dấu hiệu nổi bật về một số đồ dùng trong gia	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng, phân loại theo một dấu

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	đình	hiệu nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi trong gia đình
GD 38	- Phân loại theo một dấu hiệu nổi bật về một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên, đặc điểm, công dụng, phân loại theo một dấu hiệu nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
GD 39	- Phân loại theo một dấu hiệu nổi bật về một số cây, hoa, quả quen thuộc	- Đặc điểm nổi bật, ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc và phân loại cây, hoa, quả theo 1 dấu hiệu nổi bật.
GD 40	- Phân loại theo 1 dấu hiệu nổi bật về một số con vật quen thuộc	- Đặc điểm nổi bật, ích lợi của con vật quen thuộc và phân loại con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật.
GD 41	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của con vật đối với môi trường và con người khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Lợi ích và tác hại của con vật quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.
GD 42	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của cây, hoa, quả quen thuộc đối với môi trường và con người khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Lợi ích của cây, hoa, quả... quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối.
GD 43	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú tìm hiểu các sự vật hiện tượng gần gũi.	- Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số nguồn nước trong sinh

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
		hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
GD 44	- Trẻ biết làm thí nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu về đối tượng	- Nhận biết vật chìm, vật nổi. - Một số chất tan trong nước. - Chong chóng gió; thổi bóng xà phòng
GD 45	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
GD 46	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của hiện tượng tự nhiên ảnh hưởng đến sinh hoạt của con người quen thuộc khi được hỏi và mô tả được những dấu hiệu nổi bật của chúng khi được cô giáo gợi mở.	- Cách chăm sóc cây gần gũi: Tưới nước, nhổ cỏ, không bẻ cánh, bứt lá... - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi - Đặc điểm nổi bật của con người, cây hoa quả, con vật...được quan sát.
GD 47	- Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi đóng vai: Bắt chước các hành động của những người gần gũi (Chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh, cô giáo dạy học...) - Hát các bài hát về cây cối, hoa, con vật quen thuộc... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
GD 48	- Trẻ quan tâm đến số lượng và hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Nhận biết số lượng trong môi trường lớp học. - Đếm ngón tay. - Đếm theo ý thích, đếm theo khả năng. - Đếm các đối tượng.
GD 49	- Trẻ phân biệt được các nhóm có số lượng một và nhiều.	- Nhận biết một và nhiều.
GD 50	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm 1, 2 tạo nhóm đối tượng có số lượng là 2. - Đếm đến 3 tạo nhóm đối tượng có số lượng là 3. - Đếm đến 4 tạo nhóm đối tượng có số lượng là 4. - Đếm đến 5 tạo nhóm đối tượng có số lượng là 5. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
GD 51	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
GD 52	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
GD 53	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 54	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ (theo mẫu)
GD 55	- Biết cách xếp tương ứng, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi.
GD 56	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: hơn - nhỏ hơn; Dài hơn - Ngắn hơn; Cao hơn - Thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: + To hơn, nhỏ hơn; + Dài hơn, ngắn hơn + Cao hơn, thấp hơn + Bằng nhau.
GD 57	- Trẻ có khả năng nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép
GD 58	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới của bản thân. - Nhận biết phía trước - phía sau của bản thân. - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội		
GD 59	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
GD 60	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình: Số nhà, phố.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 61	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
GD 62	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
GD 63	- Trẻ kể tên được một số ngày lễ hội: Ngày khai trường, Tết trung thu, Tết nguyên đán, tết thiếu nhi,...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên, các hoạt động của các ngày lễ: + Ngày khai giảng. + Tết Trung thu, + Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 + Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 + Ngày hội của chú bộ đội 22/12. + Tết nguyên đán + Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 + Ngày sinh nhật Bác; + Tết thiếu nhi...
GD 64	- Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	- Tên, đặc điểm nổi bật của các danh lam, thắng cảnh: bãi biển Trà Cổ, cửa khẩu quốc tế; chợ Trung tâm..... - Lễ hội đình làng Trà Cổ + Một số món ăn, sản phẩm, đặc sản của quê hương
GD 65	- Trẻ biết tên đất nước, cờ tổ quốc Việt Nam	- Tên đất nước Việt Nam - Cờ tổ quốc Việt Nam.
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
GD 66	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
GD 67	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát chỉ người, tên gọi, đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ khái quát chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc (Bạn

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	Hiểu nghĩa từ khái quát về con vật, về cây hoa quả, phương tiện giao thông.	trai, bạn gái, quần áo, đồ chơi, hoa quả...)
GD 68	- Trẻ biết nghe nội dung câu chuyện phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
GD 69	- Trẻ thích thú lắng nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố	- Nghe hiểu các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố về chủ đề phù hợp với độ tuổi.
2. Nói		
GD 70	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
GD 71	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.....	- Mô tả sự vật, hoạt động, đặc điểm....về đối tượng phù hợp với chủ đề
GD 72	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”
GD 73	- Trẻ kể lại được những sự vật đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp; - Kể lại sự việc.
GD 74	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao đồng dao.	- Đọc thơ ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...theo chủ đề phù hợp với độ tuổi.
GD 75	- Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
GD 76	- Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 77	- Trẻ sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “thưa”...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
GD 78	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói vừa đủ nghe

3. Làm quen với việc đọc - viết

GD 79	- Trẻ có mong muốn đề nghị người khác đọc sách cho nghe.	- Nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
GD 80	- Trẻ thích thú tự giở sách xem tranh.	- Xem các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Giữ gìn sách
GD 81	- Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện
GD 82	- Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	- Tô các ký hiệu thông thường của cuộc sống.
GD 83	- Trẻ biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

1. Phát triển tình cảm

GD 84	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.
GD 85	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 86	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn, tự tin khi tham gia biểu diễn văn nghệ, khi trả lời các câu hỏi của cô...
GD 87	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Thực hiện công việc đơn giản: (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, cất bát, cất ghế...)
GD 88	- Trẻ nhận ra cảm xúc và biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; - Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
GD 89	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
GD 90	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kể chuyện, đọc thơ, hát, xem tranh về Bác.
GD 91	- Trẻ biết đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước; - Tham quan một số cảnh đẹp của địa phương, đất nước; - Tham gia các hoạt động ngày lễ, hội : Ngày sinh nhật Bác, Tết cổ truyền, Tết trung thu.....
2. Phát triển kĩ năng xã hội		
GD 92	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi.	- Một số quy định ở lớp: cất đồ dùng, đồ chơi; nhường bạn; trật tự khi ăn...
GD 93	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở gia đình: vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở gia đình: cất đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; - Yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 94	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi.
GD 95	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt.
GD 96	- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.
GD 97	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây xanh, con vật.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối. - Bảo vệ, chăm sóc con vật.
GD 98	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận biết hành vi đúng - sai, tốt - xấu.
GD 99	- Trẻ biết tắt điện, tắt vòi nước khi ra khỏi phòng hoặc sau khi sử dụng xong có sự nhắc nhở của người lớn.	- Tiết kiệm điện, nước.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

GD 100	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm	- Nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát gợi cảm; - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi;
GD 101	- Trẻ chú ý nghe, thích được nghe hát; vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc, các làn điệu dân ca phù hợp với độ tuổi theo chủ đề. - Vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Nghe những bài hát, bản nhạc có nội dung phong phú, giai điệu đa dạng theo các cách khác nhau.

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 102	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật về màu sắc, hình dáng....của các sự vật, hiện tượng và các tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc về mây sắc, hình dạng, đường nét... - Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
GD 103	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca, bài hát phù hợp với độ tuổi
GD 104	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu các bài hát bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
GD 105	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm tạo hình.
GD 106	- Trẻ biết sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng vẽ (nét thẳng, nét xiên, nét ngang) tạo thành bức tranh đơn giản - Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé (xé theo dải, xé vụn và dán) tạo thành sản phẩm đơn giản. - Sử dụng 1 số kĩ năng nặn (lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối... - Sử dụng 1 số kĩ năng xếp chồng, xếp chồng, xếp cạnh, xếp cắt tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
GD 107	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
GD 108	- Trẻ biết vận động theo ý thích, các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
GD 109	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

3. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

(thực hiện soạn giảng từ ngày 05/9/2025 đến 22/5/2026)

STT	Các chủ đề giáo dục trong năm học	Thời gian, thời lượng thực hiện chủ đề
1	Trường mầm non thân yêu của bé Sk: Ngày khai trường	3 Tuần (05/9/2025 – 26/9/2025)
2	Những em bé đáng yêu Sk: Tết trung thu, Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo 20 -10	5 Tuần (29/9/2025 – 31/10/2025)
3	Gia đình yêu thương của bé SK: Ngày hội của các cô giáo	4 Tuần (03/11/2025 – 28/11/2025)
4	Bé biết những nghề nào? Sk: Ngày hội của các chú bộ đội 22/12	3 Tuần (1/12/2025 – 19/12/2025)

5	Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu Sk:	4 tuần (22/12/2025- 16/01/2026)
6	Cây, rau, hoa, quả ở xung quanh bé Sk: Tết nguyên đán, quốc tế phụ nữ 8/3	5 tuần (19/1/2026- 06/03/2026)
7	Bé với các phương tiện giao thông.	4 Tuần (9/03/2026- 03/04/2026)
8	Bé khám phá thiên nhiên Kỳ thú	4 Tuần (6/04/2026-1/05/2026)
9	Bé yêu quê hương đất nước – Bác Hồ	3 Tuần (4/05/2026-22/05/2026)
Tổng		35 tuần